

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Yên

2. Ông Lê Đình Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 56a ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Ngô Bá T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Ông Ngô Bá T1, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn L, Thanh H, T, Hải Dương.

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn L, Thanh H, T, Hải Dương.

+ Bà Trần Thị P, sinh năm 1955; địa chỉ: T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Tại phiên tòa nguyên đơn, những người làm chứng đều vắng mặt nhưng trước đó họ đã có đơn hoặc ý kiến xin xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị **H** và anh **T** kết hôn vào ngày 11/7/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, anh **T** chưa tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện chị xác định không còn tình cảm gì với anh **T** nên đề nghị TAND huyện Thanh Hà giải quyết cho chị ly hôn với anh **T**. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là **Ngô Trần Bảo V**, sinh ngày 02/7/2015. Hiện nay cháu **V** đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Cháu **V** là con chung của anh **T**, chị **H** trình bày ý kiến xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn nhau.

* Ý kiến gia đình hai bên cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị **H**, anh **T** có nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Ngoài ra, bà **Trần Thị P** còn ý kiến sẽ hỗ trợ mẹ con chị **H** về chỗ ở và hỗ trợ chị **H** chăm sóc cháu **V**.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử chị **H** được ly hôn anh **T**. Về con chung: Giao con chung là **Ngô Trần Bảo V**, sinh ngày 02/7/2015 cho chị **H** nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **H** và anh **T** có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D** trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị **H**, anh **T** chỉ chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xô xát. Thực tế, vợ chồng chị **H** đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh **T** không đến Tòa án làm việc cũng như không đến tham gia hoà giải, điều đó thể hiện bị đơn không thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Nay chị **H** xác định không còn tình cảm với anh **T** nên xin ly hôn với anh **T**. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị **H** ly hôn với anh **T** là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng chị **H**, anh **T** có 01 con chung là **Ngô Trần Bảo V**, sinh ngày 02/7/2015. Xét hiện nay cháu **V** đang ở với chị **H**, chị **H** xin được nuôi con và nhận được sự hậu thuẫn của gia đình trong việc nuôi dưỡng cháu **V**. Anh **T** không có lời khai hay văn bản nào đề nghị xin nuôi con chung. Mặt khác cháu **V** cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy cần giao con chung cho chị **H** nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị **H** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, cần được chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị **Trần Thị H** ly hôn với anh **Ngô Bá T**.
2. Về con chung: Giao con chung là **Ngô Trần Bảo V**, sinh ngày 02/7/2015 cho chị **Trần Thị H** nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2024 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị **H** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.
*Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.*
3. Về án phí: Chị **H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001163 ngày 12/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị **H** đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.
4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Liên, TP Thái Nguyên.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung